TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 26 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Đình Huy**

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thảo**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên họp: Ông **Bùi Văn Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Lê Thị H, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

2/ Ông Lê Văn N, sinh năm: 1980

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đơn vị công tác: Tiểu đoàn 454, Lữ đoàn 957, Vùng 4, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

**** Theo đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, người yêu cầu bà và ông Lê Văn N trình bày:***

Ông bà tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2006. Được Ủy ban nhân dân phường Cam Phú, thành phố C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 12/01/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông bà có 02 con chung là cháu Lê Xuân Hải Y, sinh ngày 18/5/2007 và Lê Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2012. Bà Hà và ông Nam thỏa thuận: Giao 02 con chung cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, ông Lê Văn N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Hà và ông Nam xác nhận không có nợ chung và tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố C nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn N tự nguyện kết hôn năm 2006, được Ủy ban nhân dân phường Cam Phú, thị xã C (nay là thành phố C) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 12/01/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Hà và ông Nam đều yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C công nhận thuận tình ly hôn nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Xét việc thỏa thuận nuôi con và sự tự nguyện không cấp dưỡng nuôi con của bà Lê Thị H và ông Lê Văn N về việc giao 02 con chung là cháu Lê Xuân Hải Y, sinh ngày 18/5/2007 và Lê Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2012 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn và ông Lê Văn N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà và ông Nam xác nhận không có nợ chung và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về lệ phí: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn N mỗi người phải nộp lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 367 và các Điều 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Xuân Hải Y, sinh ngày

18/5/2007 và cháu Lê Văn Minh Q, sinh ngày 13/3/2012 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Ông Lê Văn N tạm thời không cấp dưỡng nuôi con chung.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung và tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4.Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn N mỗi người phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007052 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Bà Lê Thị H và ông Lê Văn N đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- CC THADS TP. C;
- UBND phường P (Giấy CNKH số 02, quyển số 01, ngày 12/01/2006);
- Lưu: hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Huy